TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09-5-2025
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Sơn.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Huệ T, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 02 năm 2025 nguyên đơn ông Lê Huệ T trình bày: Vào năm 2012 ông và bà Nguyễn Thị Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, không còn thương yêu nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông

yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L. Trong quá trình chung sống ông và bà L có một người con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2010, con chung hiện đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông yêu cầu giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc L là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng bà L vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Huệ T. Cho ông Lê Huệ T ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L; giao con chung cho bà Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Huệ T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Huệ T là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Huệ T. Bà Nguyễn Thị Ngọc L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Huệ T và bà Nguyễn Thị Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của ông Lê Huệ T với bà Nguyễn Thị Ngọc L là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Ông T yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Ngọc L nhiều lần để tham gia xét xử nhưng bà L vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông Lê Huệ T. Ông Lê Huệ T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, ông và bà L không còn chung sống từ năm 2022 cho đến nay. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa ông Lê Huệ T với bà Nguyễn Thị Ngọc L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu của ông Lê Huệ T về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông Lê Huệ T với bà Nguyễn Thị Ngọc L có một người con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2010, con chung do bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Huệ T yêu cầu giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bà Nguyễn Thị Ngọc L nhưng bà L không có ý kiến đối với yêu cầu của ông T về việc giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi ông T và bà L không còn chung sống đến nay con chung do bà L trực tiếp nuôi dưỡng và người con chung Lê Thanh Đ1 có nguyện vọng được chung sống với bà L thể hiện tại bản tự khai ngày 04 tháng 02 năm 2025. Để bảo đảm quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử giao người con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2010 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Huệ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung ông Lê Huệ T, bà Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Lê Huệ T phải chịu 300.000đ, ông Lê Huệ T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Huệ T và bà Nguyễn Thị Ngọc L.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2010 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Huệ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Lê Huệ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003779 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông Lê Huệ T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều